

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Trang là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1968.

Căn cước công dân số: 060168009208

Địa chỉ: Tổ dân phố 37, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1965.

Căn cước công dân số: 068065000106

Địa chỉ: Tổ dân phố 21, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Nguyễn Viết H thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Ông, bà tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (nay là phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng) từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2016 thì chấm dứt việc chung sống; nguyên nhân là do thiếu hiểu biết pháp luật và vướng mắc giấy tờ làm thủ tục

đăng ký kết hôn nên không đăng ký kết hôn. Nay bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Viết H.

Về con chung: Ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Bình L – sinh năm 1997 và Nguyễn Trần Hương T – sinh năm 2005, các con chung đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Viết H; các con chung đã trưởng thành và tự lập, đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung: các đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Trinh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Viết H có nơi cư trú tại Tổ dân phố 21, phường P, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Viết H đều xác định chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2016 không đăng ký kết hôn, vấn đề này được Ủy ban nhân dân phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng xác nhận là đúng sự thật. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Viết H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Các đương sự đều xác định con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Viết H.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006259 ngày 22/10/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 10 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đắk Mar, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương

